TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật.

2. Bà Đoàn Kim Thạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bé Thu.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1987.**

Cư trú: khóm M, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: **Bà Lê Thị Linh P, sinh năm 1985**.

Cư trú: khóm M, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: khóm Đ, phường Mỹ Phước, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn ông H tham gia. Bị đơn bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/6/2016 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông H và bà P tiến đến hôn nhân vào năm 2008, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Phước, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 347/KH.MP ngày 15 tháng 12 năm 2008, quyển số 02/2008. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó bà P mâu thuẫn với mẹ chồng nên không thể sống chung với gia đình nên ông và bà P ra ở trọ, khi ra ở trọ thu nhập của ông không đủ trang trãi chi phí trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 1/2015 đến nay. Ông H yêu cầy ly hôn với bà P

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thị Linh P: Có tờ tường trình ngày 07/7/2016 bà xin được đoàn tụ cùng ông H vì bà còn thương ông H.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với bà P; Về con chung không có; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Linh P vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Ông H tranh chấp ly hôn với bà P, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà P đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H nhưng vắng mặt không tham gia H giải và phiên tòa xét xử vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà P vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà P đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Phước, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 347/KH.MP ngày 15 tháng 12 năm 2008, quyển số 02/2008. Do đó, hôn nhân

của ông H, bà P là hợp pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 tại thời điểm đăng ký kết hôn.

Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P, căn cứ để ông yêu cầu là cuộc sống vợ chồng giữa ông bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà P mâu thuẫn trầm trọng với mẹ chồng mà không thể tiếp tục sống chung trong gia đình ông, khi ra ở trọ cuộc sống kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn ông không thể lo nổi các khoản chi phí trong cuộc sống vợ chồng. Bà P xin được đoàn tụ cùng ông H vì bà còn thương ông H, Tòa án nhiều lần H giải để tạo điều kiện để bà P hàn gắn tình cảm với ông H, nhưng bà P không đến tham gia cũng như vắng mặt tại phiên tòa, hiện nay ông bà cũng không còn sống chung từ tháng 1/2015, nếu tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng thì cả ông H và bà P không mang lại hạnh phúc cho nhau. Cả ông H và bà P đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Không có

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

<u>Tuyên xử</u>:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H.

Ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Lê Thị Linh P.

[2] Về quan hệ con chung: Không có.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0010716 ngày 03/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Long Xuyên.

Bà P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt